

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Hồng Thắm

2. Ông Trương Thành Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú– Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích TR, sinh năm 1985(có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp Hòa Phú 3, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 1/8 khóm An Thới, phường Mỹ Thới, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khoa N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp Hòa Phú 3, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/01/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích TR trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Khoa N kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 94 ngày 20/7/2020. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau không hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng ly thân, trong thời gian cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh Khoa N yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Như Y sinh ngày 23/4/2020. Hiện cháu Như Y đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Khoa N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận

** Bị đơn anh Nguyễn Khoa N vắng mặt trong quá trình tố tụng*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích TR vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân; con chung và tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

- Bị đơn anh Nguyễn Khoa N vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật:* trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bích TR có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh tại Công an thị trấn An Châu, huyện Châu Thành thể hiện anh Khoa N có nơi cư trú tại ấp Hoà Phú 3, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hiện có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS 2015. Anh Khoa N không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị TR với anh Khoa N có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 94 ngày 20/7/2020 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị TR với anh N. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; nhưng chị TR vẫn giữ yêu cầu ly hôn; anh Khoa N không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Giữa chị và anh N ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân cảm hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình tố tụng Tòa án có văn bản tham khảo ý kiến UBND cấp xã nơi vợ chồng chung sống, nơi con chưa thành niên cư trú: tại văn bản phúc đáp số 26/UBND-TP ngày 21/7/2022 thể hiện nội dung: “*nguyên nhân mâu thuẫn, có bao nhiêu con chung và ai là người trực tiếp chăm sóc con chung giữa các đương sự trong vụ án UBND xã không nắm rõ*”. Trong thời gian chị TR gửi đơn ly hôn ngày 25/01/2022 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, chị TR vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không còn tình cảm; anh Khoa N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị TR; giữa anh chị ly thân thời gian từ năm 2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian gần 02 năm cả chị và anh N vẫn không về chung sống để hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, để yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Điều này, thể hiện cả hai không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả chị TR và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị TR có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Như Ý sinh ngày 23/4/2020. Hiện cháu Ý đang sống với chị TR. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không cầu cấp dưỡng nuôi con để chị và anh N thoả thuận với nhau.

Do đó, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung của chị TR phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận. Chị TR phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh Khoa N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Loan không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích TR là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị TR, anh Khoa N có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Bích TR, chị TR được ly hôn với anh Nguyễn Khoa N

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94 ngày 20/7/2020 tại UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Bích TR được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Như Ý sinh ngày 23/4/2020. Chị TR phải

tạo điều kiện thuận lợi cho anh N việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị TR không yêu cầu. HĐXX không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích TR phải chịu 300.000đ (ba TR ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba TR ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003047 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: chị Nguen64n Thị Bích TR có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2022); Riêng anh Khoa N được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang